

THÔNG TƯ

**Quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng,
thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản**

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghiệp nặng,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình đối với các mỏ khoáng sản (trừ mỏ dầu, mỏ khí đốt) không phân biệt nguồn vốn sử dụng.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản; tổ chức, cá nhân tư vấn và cơ quan quản lý nhà nước về công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định của Luật Xây dựng.

Điều 2. Dự án đầu tư xây dựng

1. Nội dung lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng đối với công trình mỏ lộ thiên thực hiện theo Phụ lục 1, đối với công trình mỏ hầm lò thực hiện theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nội dung lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đối với công trình mỏ lộ thiên thực hiện theo Phụ lục 3, đối với công trình mỏ hầm lò thực hiện theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Nội dung lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với công trình mỏ lộ thiên thực hiện theo Phụ lục 5, đối với công trình mỏ hầm lò thực hiện theo Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình

1. Nội dung lập Thiết kế kỹ thuật và dự toán xây dựng đối với công trình mở lộ thiên thực hiện theo Phụ lục 7, đối với công trình mở hầm lò thực hiện theo Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nội dung lập Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng

a) Trường hợp thiết kế hai bước không lập riêng theo các hạng mục công trình: Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đối với công trình mở lộ thiên thực hiện theo Phụ lục 9, đối với công trình mở hầm lò thực hiện theo Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Trường hợp thiết kế hai bước lập riêng theo các hạng mục công trình và thiết kế ba bước: hạng mục công trình hoặc cụm hạng mục công trình mở khoáng sản (mở lộ thiên/ mở hầm lò) thực hiện theo Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình

1. Nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đối với công trình mở lộ thiên thực hiện theo Phụ lục 12, đối với công trình mở hầm lò thực hiện theo Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nội dung thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với công trình mở lộ thiên thực hiện theo Phụ lục 14, đối với công trình mở hầm lò thực hiện theo Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Nội dung thẩm định Thiết kế cơ sở đối với công trình mở lộ thiên thực hiện theo Phụ lục 16, đối với công trình mở hầm lò thực hiện theo Phụ lục 17 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Nội dung thẩm định Thiết kế kỹ thuật và dự toán xây dựng đối với công trình mở lộ thiên thực hiện theo Phụ lục 18, đối với công trình mở hầm lò thực hiện theo Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Nội dung thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng

a) Trường hợp thiết kế hai bước không lập riêng theo các hạng mục công trình: đối với công trình mở lộ thiên thực hiện theo Phụ lục 20, đối với công trình mở hầm lò thực hiện theo Phụ lục 21 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Trường hợp thiết kế hai bước lập riêng theo các hạng mục công trình và thiết kế ba bước: hạng mục công trình hoặc cụm hạng mục công trình mở khoáng sản (mở lộ thiên và mở hầm lò) thực hiện theo Phụ lục 22 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình

1. Nội dung phê duyệt dự án đầu tư xây dựng (trừ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) thực hiện theo Phụ lục 23 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nội dung phê duyệt Thiết kế kỹ thuật và dự toán xây dựng thực hiện theo Phụ lục 24 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Nội dung phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng

a) Trường hợp thiết kế hai bước không lập riêng theo các hạng mục công

trình: thực hiện theo Phụ lục 25 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Trường hợp thiết kế hai bước lập riêng theo các hạng mục công trình và thiết kế ba bước: thực hiện theo Phụ lục 26 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản khác

Việc lập lập, thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ nước khoáng, nước nóng thiên nhiên; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ và khoáng sản khai thác tận thu tại các bãi thải mỏ đã có quyết định đóng cửa căn cứ vào các yêu cầu quy định tại Điều 54, Điều 55, Điều 58, Điều 80, Điều 83 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 và các Điều 12, Điều 27, Điều 28 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ.

Điều 7. Hồ sơ đề nghị thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình

1. Tờ trình và thành phần hồ sơ trình cấp có thẩm quyền thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01, 04 và 06 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ.

2. Mẫu bì và khung tên bản vẽ dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình quy định tại Phụ lục 27 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 01 năm 2017 và thay thế Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế mỏ và dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn./.

Nơi nhận:

- Ban bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Tòa án Nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các Tổng cục, Cục, Vụ thuộc Bộ Công Thương;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, CNNg (05).

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Trần Tuấn Anh

Phụ lục 1

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỎ LỘ THIÊN

*(Kèm theo Thông tư số 26 /2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

TẬP I

THUYẾT MINH CHUNG

MỞ ĐẦU

Nêu xuất xứ, cơ sở lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng.

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Chủ đầu tư và địa chỉ liên lạc

- Tên chủ đầu tư:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:, fax:
- Giấy đăng ký doanh nghiệp:

2. Đơn vị tư vấn lập báo cáo

- Giới thiệu về đơn vị tư vấn lập báo cáo (nếu có):
- Người chủ trì lập báo cáo:

3. Cơ sở lập báo cáo

3.1. Cơ sở pháp lý

Văn bản phê duyệt quy hoạch ngành và các văn bản khác có liên quan (nếu có).

3.2. Tài liệu cơ sở

- Tài liệu khảo sát, thăm dò về địa chất mỏ, địa chất thủy văn, địa chất công trình.
- Quy hoạch sử dụng đất (nếu có).
- Các tài liệu về kết quả nghiên cứu, thí nghiệm, v.v... (nếu có).
- Tài liệu khác liên quan (nếu có).

4. Nhu cầu thị trường và khả năng tiêu thụ sản phẩm

4.1. Nhu cầu thị trường

4.2. Khả năng tiêu thụ sản phẩm

5. Sự cần thiết, mục tiêu đầu tư và thời gian thực hiện

5.1. Sự cần thiết đầu tư:

5.2. Mục tiêu đầu tư:

5.3. Thời gian thực hiện dự án (dự kiến):

6. Quy mô công suất dự án

6.1. Công suất khai thác: Theo khoáng sản nguyên khai.

6.2. Công suất chế biến khoáng sản (nếu có): Theo quặng tinh (than sạch)/sản phẩm khác sau chế biến.

7. Phân loại và cấp công trình

Phân loại và cấp công trình theo quy định hiện hành.

8. Hình thức đầu tư xây dựng, địa điểm xây dựng

8.1. Hình thức đầu tư xây dựng và quản lý dự án

8.2. Địa điểm xây dựng công trình

9. Cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu và các yếu tố đầu vào khác

Dự kiến nguyên, nhiên, vật liệu, các yếu tố đầu vào khác và các giải pháp đáp ứng.

II. CÁC YẾU TỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

Chương 1. Đặc điểm kinh tế, xã hội và địa chất mỏ

1.1. Vị trí, đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế xã hội

- Vị trí dự kiến đầu tư dự án.
- Nêu sơ lược về các yếu tố về địa lý tự nhiên, điều kiện kinh tế, xã hội và vấn đề tác động đến dự án.

1.2. Đặc điểm địa chất khu vực mỏ

- Nêu sơ bộ về đặc điểm cấu trúc, kiến tạo địa chất khu vực và loại khoáng sản có ích trong vùng nghiên cứu.
- Đặc điểm cấu tạo địa chất thủy văn, địa chất công trình.

1.3. Trữ lượng và chất lượng khoáng sản địa chất

- Tổng hợp về tài nguyên, trữ lượng và chất lượng của khoáng sản.
- Đánh giá về độ tin cậy của tài nguyên, khoáng sản.

Chương 2. Hiện trạng về khai thác và chế biến khoáng sản

(Áp dụng đối với dự án điều chỉnh, mở rộng)

- Nêu sơ bộ về tình hình khai thác, chế biến khoáng sản của dự án đang/ đã triển khai thực hiện.
- Nêu một số chỉ tiêu chính đã thực hiện của dự án.

III. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Chương 3. Biên giới, trữ lượng khai trường và công tác khai thác mỏ

3.1. Biên giới và trữ lượng khai trường

- Nêu các nguyên tắc và xác định sơ bộ về biên giới mỏ, bao gồm ranh giới trên mặt xác định bằng các tọa độ khép góc, hệ tọa độ VN2000; chiều sâu khai thác, diện tích khai trường.
- Xác định sơ bộ trữ lượng địa chất, huy động, nguyên khai vào khai thác, chế biến trong ranh giới khai trường.
- Tổng hợp các chỉ tiêu chủ yếu về biên giới và trữ lượng khai trường.